

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 3 - 2021

“Về việc ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hữu Khánh

Ông Võ Tấn Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021. Về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Lý Án, xã Hưng Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Bích Ch, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Lý Án, xã Hưng Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 02/01/2021 và các lời khai của nguyên đơn Anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh H và chị Ch chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2020 trở về sau này thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đến tháng 11 năm 2020 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay, nguyên nhân là vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến không hạnh phúc. Anh H xét thấy vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên anh H yêu cầu xin ly hôn với chị Ch.

Về con chung: Anh trình bày vợ chồng chung sống với nhau có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm Hải, sinh ngày 05/3/2002 và Nguyễn Khánh Luân, sinh ngày 09/10/2003, hiện 02 con đang sống với anh H. Nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu.

Về tài sản chung: Anh H cho rằng vợ chồng có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh H trình bày vợ chồng không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Bị đơn chị Trần Thị Bích Ch trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Ch đồng ý lời trình bày của anh H về hôn nhân, nay chị Ch đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H.

Về con chung: Chị Ch thống nhất vợ chồng chung sống có 02 con chung như anh H trình bày. Các con hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Ch cho rằng vợ chồng có nợ chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn chị Trần Thị Bích Ch có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của anh Nguyễn Văn H khởi kiện xin ly hôn với chị Trần Thị Bích Ch nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị Ch tổ chức đám cưới năm 2000 không có đăng đăng kết hôn, theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh H và chị Ch không được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 09 Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH-NQ 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ của anh H và chị Ch là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh H và chị Ch chung sống 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm Hải, sinh ngày 05/3/2002 và Nguyễn Khánh Luân, sinh ngày 09/10/2003, hiện 02 con đang sống với anh H. Nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Anh H và chị Ch trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh H và chị Ch trình bày vợ chồng không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 243, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 09, 14, 51, 56, 58, 81, 82 v 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị Bích Ch là vợ chồng.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh H phải chịu án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng), anh H có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006085 ngày 02/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được chấp thu. Chị Ch không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- CC THA huyện C;
- Đương sự;
- Lưu HS-VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính